



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>770,846,450,954</b>	<b>724,929,156,861</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>41,900,531,890</b>	<b>45,176,760,599</b>
1. Tiền	111		41,900,531,890	45,176,760,599
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>14,354,000,000</b>	<b>14,354,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	14,354,000,000	14,354,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>321,761,907,860</b>	<b>295,294,314,909</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	312,812,766,328	285,430,589,362
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8,360,384,087	9,177,659,676
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2,524,730,894	2,622,039,320
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1,940,913,450)	(1,940,913,450)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4,940,001	4,940,001
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>378,979,790,840</b>	<b>358,220,885,317</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	378,979,790,840	358,220,885,317
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13,850,220,364</b>	<b>11,883,196,036</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2,122,204,401	2,343,684,733
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11,536,261,936	9,529,299,479
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		191,754,027	10,211,824
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-





**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		224,136,358,712	217,303,174,461
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>545,046,684</b>	<b>545,046,684</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	545,046,684	545,046,684
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>160,978,637,436</b>	<b>142,657,213,227</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	114,130,132,512	95,332,845,600
<i>Nguyên giá</i>	222		209,252,712,608	186,362,620,971
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(95,122,580,096)	(91,029,775,371)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	3,645,318,382	3,814,404,712
<i>Nguyên giá</i>	225		5,254,881,818	5,254,881,818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1,609,563,436)	(1,440,477,106)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	43,203,186,542	43,509,962,915
<i>Nguyên giá</i>	228		55,124,134,444	55,124,134,444
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(11,920,947,902)	(11,614,171,529)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>40,258,449,621</b>	<b>51,038,615,834</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	40,258,449,621	51,038,615,834
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10,000,000,000</b>	<b>10,000,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.16	10,000,000,000	10,000,000,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12,354,224,971</b>	<b>13,062,298,716</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	11,331,280,898	12,216,607,430
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	1,022,944,073	845,691,286
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>994,982,809,666</b>	<b>942,232,331,322</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>589,552,706,168</b>	<b>541,942,514,526</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>587,957,604,979</b>	<b>540,148,574,782</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	84,486,482,693	44,794,821,664
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7,304,395,265	6,558,862,303
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1,267,078,412	896,361,972
4. Phải trả người lao động	314		10,090,395,445	10,809,777,646
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	14,625,848,719	18,935,499,491
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	775,819,735	532,457,999
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	467,125,677,866	455,338,886,863
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	2,281,906,844	2,281,906,844
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,595,101,189</b>	<b>1,793,939,744</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	265,419,000	300,919,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	1,329,682,189	1,493,020,744
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

11/2022/03/01



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>405,430,103,498</b>	<b>400,289,816,796</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19.a	<b>405,430,103,498</b>	<b>400,289,816,796</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		334,466,750,000	334,466,750,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.19.b	334,466,750,000	334,466,750,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(250,000,000)	(250,000,000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		13,686,797,071	13,686,797,071
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57,526,556,427	52,386,269,725
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		52,386,269,725	34,529,967,200
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5,140,286,702	17,856,302,525
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>994,982,809,666</b>	<b>942,232,331,322</b>

Người lập biểu



Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng

Lập, ký ngày 28 tháng 04 năm 2022


  
 Ngô Thị Thanh Lan

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Đơn vị: VND)

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		
			Quý này năm nay	Quý này năm trước	Năm nay Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	286,928,060,183	205,603,488,772	286,928,060,183
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V1.1	14,136,132,304	11,220,087,748	14,136,132,304
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		272,791,927,879	194,383,401,024	272,791,927,879
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	237,439,301,566	165,910,929,867	237,439,301,566
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35,352,626,313	28,472,471,157	35,352,626,313
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.3	1,659,883,636	1,655,957,258	1,659,883,636
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	6,688,643,970	6,060,047,028	6,688,643,970
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6,613,222,443	5,985,760,216	6,613,222,443
8. Chi phí bán hàng	25	V1.5	18,197,239,209	13,611,746,656	18,197,239,209
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.6	6,421,652,214	5,556,501,916	6,421,652,214
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,704,974,556	4,900,132,815	5,704,974,556
11. Thu nhập khác	31	V1.7	108,351,816	105,650,186	108,351,816
12. Chi phí khác	32	V1.8	127,872	13,660,621	127,872
13. Lợi nhuận khác	40		108,223,944	91,989,565	108,223,944
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,813,198,500	4,992,122,380	5,813,198,500
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		850,164,585	622,666,329	850,164,585
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(177,252,787)	(98,982,056)	(177,252,787)

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.140.286,702	4.468.438,107	5.140.286,702	4.468.438,107
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	5.140.286,702	4.468.438,107	5.140.286,702	4.468.438,107
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	154	140	154	140
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	154	140	154	140

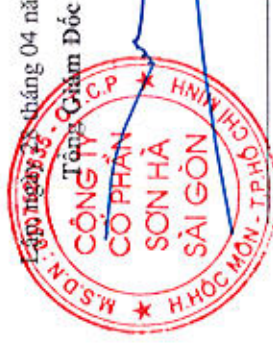
Người lập biểu

Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Dũng

Lập ngày 30 tháng 04 năm 2022



Ngô Thị Thanh Lan



# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5,813,198,500	4,992,122,380
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4,568,667,428	4,126,303,222
- Các khoản dự phòng	03	-	400,000,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7,505,289)	(35,874,721)
- Chi phí lãi vay	06	6,613,222,443	5,985,760,216
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16,987,583,082	15,468,311,097
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(28,656,097,611)	27,324,802,668
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(20,758,905,523)	397,699,173
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11	46,161,021,921	(12,088,087,468)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	1,106,806,864	(9,258,452,774)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6,687,728,507)	(5,993,048,203)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(473,419,633)	(1,182,949,973)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(178,348,995)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7,679,260,593</b>	<b>14,489,925,525</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(15,586,447,039)	(19,360,992,475)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7,000,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7,505,289	35,874,721
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(22,578,941,750)</b>	<b>(19,325,117,754)</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

19/03/2022



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	từ đầu năm đến cuối	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	312,525,320,603	194,908,120,121
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(300,738,529,600)	(205,073,640,184)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35 V.18	(163,338,555)	(210,074,274)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>11,623,452,448</b>	<b>(10,375,594,337)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(3,276,228,709)</b>	<b>(15,210,786,566)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60 V.1</b>	<b>45,176,760,599</b>	<b>122,415,204,578</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70 V.1</b>	<b>41,900,531,890</b>	<b>107,204,418,012</b>

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Dũng

Lập ngày 28 tháng 04 năm 2022

Tổng Giám Đốc



Ngô Thị Thanh Lan

# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022. Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ Phần

Các đơn vị trực thuộc:

##### Tên đơn vị

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình  
Mã số CN: 0307526635-002

- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-003

- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-005

- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-008

- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn  
Mã số chi nhánh: 0307526635-009

- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn  
Mã số chi nhánh: 0307526635-0010

- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0011

- Chi nhánh Long Khánh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0012

- Chi nhánh Khánh Hòa – Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-007

- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0013

- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0014

- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015

- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016

##### Địa chỉ

Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh.

Số 31, Tò 10, Lô 90, Đường Nguyễn Công Trứ, Thị trấn Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, T.Lâm Đồng, Việt Nam.

Dại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Thôn Nghĩa Hòa, Xã Đắk Nĩa, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Lô 2.10G, đường số 09, KCN Trà Nóc II, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP Cần Thơ, Việt Nam

Số 1559 Quốc Lộ 55, KP Long An, TT. Long Điền, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Số 052 ấp An Phước, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

Tổ 10B, ấp Bàu Trâm, Xã Bàu Trâm, Thành Phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Lô 02 - B4, KĐT Phước Long, Phường Phước Long, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đãng A, Xã Cuor Đãng, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

DT.741, ấp 1, xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang

Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GDCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Thôn Thắng Hiệp, Xã Hàm Thắng, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Lô đất số 01-1A, Khu A5, Đường Số 02+03+H6, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, Đường Lê Duẩn, KP3, P.Đài Sơn, TP Nha Trang - Tháp chàm, Tỉnh Ninh Thuận, VN.
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0029	Ấp Chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Quốc lộ 1A, ấp Tân Tạo, Thị trấn Châu Hưng, Huyện Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0030	Ấp Đồng Tâm. Xã Long Trạch, huyện Cần Đức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cấu kiện kim loại, thùng bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại.
- Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 Công ty có **299** nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 292 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm/kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng, Công ty chủ yếu sản xuất các sản phẩm trong tháng tính giá thành vào cuối tháng và kinh doanh hàng hóa công nghiệp. Sản phẩm và hàng hóa được bán trực tiếp tại kho Công ty hoặc chuyển về các chi nhánh để bán theo các đơn đặt hàng từ phòng kinh doanh.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### 3. Hàng tồn kho



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

#### 6. Tài sản cố định thuê tài chính

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

#### 7. Tài sản thuê hoạt động

##### *Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

##### *Công ty là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm nhà và quyền sử dụng đất.

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 42 đến 47 năm theo thời gian giao đất.

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

#### 11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 13. Chi phí trả trước

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

##### *Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản*

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí quảng cáo, thuê nhà*

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

#### 14. Chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### 15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính:

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản vay, nợ thuê tài chính của Công ty.

#### 16. Nguồn vốn kinh doanh

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

#### 17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	<b>Mục đích</b>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty. Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

#### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

#### 20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### 21. Giá vốn hàng bán:

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

#### 22. Chi phí tài chính:

Phản ánh những chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động tài chính, chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

#### 23. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

#### 24. Báo cáo theo bộ phận

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	6,680,112,895	6,051,009,065
Tiền gửi ngân hàng	35,220,418,995	39,125,751,534
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		
<b>Cộng</b>	<u><u>41,900,531,890</u></u>	<u><u>45,176,760,599</u></u>

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá Gốc</u>	<u>Dự Phòng</u>	<u>Giá Gốc</u>	<u>Dự Phòng</u>
<b>+ Đầu tư tài chính ngắn hạn:</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng NH Techcombank				
<b>Cộng</b>				

##### 3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai		
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	9,786,744,118	9,557,660,732
- Công Ty TNHH Cơ Khí - Thương Mại - Dịch Vụ Thiên Thành Lợi	43,743,628,037	36,377,255,067



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty TNHH Sản Xuất & Thương Mại Thép Hải Phát	41,400,272,306	42,108,835,196
- Công Ty TNHH Sản Xuất - TM - DV Kỹ Thuật Đại Phú Thịnh	27,779,847,557	20,488,066,331
- Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533	822,711,533
- Bình Dương - ĐL Quý Sơn Hà	888,395,216	888,395,216
- Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đức Thịnh	5,144,502,541	2,066,271,224
- Công ty TNHH cơ khí xây dựng Minh Ngọc Dương	49,083,272,110	38,263,451,570
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	617,175,249	617,175,249
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim Loại VINA	40,988,913,837	40,192,080,347
- Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	2,712,402,125	2,712,402,125
Cty TNHH TMDV và PT Hưng Thịnh	16,254,073,042	38,217,487,068
- Các Khách hàng khác	73,590,828,657	53,118,797,704
<b>Cộng</b>	<b>312,812,766,328</b>	<b>285,430,589,362</b>

#### Phải thu khách hàng là các bên liên quan:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	617,175,249	617,175,249
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	9,786,744,118	9,557,660,732
- Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	2,712,402,125	2,712,402,125
<b>Cộng</b>	<b>13,116,321,492</b>	<b>12,887,238,106</b>

#### 4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
- Phải thu người lao động	1,592,001,815	1,667,918,466
- Ký cược, ký quỹ	151,439,316	151,439,316
- Bảo hiểm xã hội	145,887,944	
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	635,401,819	802,681,538
<b>Cộng</b>	<b>2,524,730,894</b>	<b>2,622,039,320</b>
<b>Dài hạn</b>		
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	545,046,684	545,046,684
<b>Cộng</b>	<b>545,046,684</b>	<b>545,046,684</b>
<b>Tổng Cộng</b>	<b>3,069,777,578</b>	<b>3,167,086,004</b>

#### 5. Nợ xấu

	Nợ gốc	Số cuối kỳ Giá trị có thể thu hồi	Số đầu năm Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533		822,711,533	
Bình Dương - ĐL Quý Sơn Hà	888,395,216		888,395,216	
An Giang - Nguyễn Hồ Vũ	15,226,400		15,226,400	

11/11/2022 09:00:00 AM

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

TCN - Nguyễn Thanh Nhã	14,580,301	14,580,301
Nguyễn Thị Chương	200,000,000	200,000,000
<b>Cộng</b>	<b>1,940,913,450</b>	<b>1,940,913,450</b>

#### 6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	1,738,426,930	3,194,322,971
Nguyên liệu, vật liệu	145,084,771,780	141,651,363,097
Công cụ, dụng cụ	94,973,118	91,978,510
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6,762,933,285	6,399,420,718
Thành phẩm	60,163,025,950	59,600,074,578
Hàng hóa	165,135,659,777	147,283,725,443
<b>Cộng</b>	<b>378,979,790,840</b>	<b>358,220,885,317</b>

#### 7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa		
<b>Cộng</b>		

#### 8. Chi phí trả trước

Ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí trả trước về thuê kho	922,508,919	1,042,783,341
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	145,148,840	309,132,013
- Chi phí bảo hiểm	503,734,205	
- Các khoản khác	550,812,437	991,769,379
<b>Cộng</b>	<b>2,122,204,401</b>	<b>2,343,684,733</b>

Dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí công cụ dụng cụ	3,522,790,157	3,691,674,192
- Chi phí sửa chữa	2,653,506,140	2,382,964,357
- Chi phí mua bảo hiểm		738,288
- Chi phí thuê đất	2,386,087,184	2,762,837,792
- Chi phí quảng cáo	1,874,693,329	
- Các khoản khác	782,189,235	3,378,392,801
<b>Cộng</b>	<b>11,331,280,898</b>	<b>12,216,607,430</b>

<b>Tổng cộng</b>	<b>13,453,485,299</b>	<b>14,560,292,163</b>
------------------	-----------------------	-----------------------

#### 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	79,648,814,077	43,178,563,859	51,073,599,735	12,461,643,300		186,362,620,971
Tăng trong năm	20,453,488,000	2,436,603,637				22,890,091,637
- Mua sắm mới	20,453,488,000	2,436,603,637				22,890,091,637
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính sang						
Giảm trong năm						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác (ghi cụ thể)						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>100,102,302,077</b>	<b>45,615,167,496</b>	<b>51,073,599,735</b>	<b>12,461,643,300</b>		<b>209,252,712,608</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	23,006,003,896	29,703,917,831	31,487,599,487	6,832,254,157		91,029,775,371
Tăng trong năm	1,657,061,580	820,044,371	1,155,491,938	460,206,836		4,092,804,725
- Khấu hao trong năm	1,657,061,580	820,044,371	1,155,491,938	460,206,836		4,092,804,725
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
Giảm trong năm						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác (ghi cụ thể)						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24,663,065,476</b>	<b>30,523,962,202</b>	<b>32,643,091,425</b>	<b>7,292,460,993</b>		<b>95,122,580,096</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	56,642,810,181	13,474,646,028	19,586,000,248	5,629,389,143		95,332,845,600
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>75,439,236,601</b>	<b>15,091,205,294</b>	<b>18,430,508,310</b>	<b>5,169,182,307</b>		<b>114,130,132,512</b>

#### 10 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	3,520,000,000	1,734,881,818			5,254,881,818

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

##### Tăng trong năm

- Thuê tài chính trong năm

- Tăng khác (ghi cụ thể)

##### Giảm trong năm

- Mua lại TSCĐ thuê tài chính

- Trả lại TSCĐ thuê tài chính

- Giảm khác (ghi cụ thể)

Số cuối kỳ	3,520,000,000	1,734,881,818			5,254,881,818
------------	---------------	---------------	--	--	---------------

##### Giá trị hao mòn

Số đầu năm	1,215,238,098	225,239,008			1,440,477,106
------------	---------------	-------------	--	--	---------------

Tăng trong năm	125,714,286	43,372,044			169,086,330
----------------	-------------	------------	--	--	-------------

- Khấu hao trong năm	125,714,286	43,372,044			169,086,330
----------------------	-------------	------------	--	--	-------------

- Tăng khác (ghi cụ thể)

##### Giảm trong năm

- Mua lại TSCĐ thuê tài chính

- Trả lại TSCĐ thuê tài chính

- Giảm khác (ghi cụ thể)

Số cuối kỳ	1,340,952,384	268,611,052			1,609,563,436
------------	---------------	-------------	--	--	---------------

##### Giá trị còn lại

Số đầu năm	2,304,761,902	1,509,642,810			3,814,404,712
------------	---------------	---------------	--	--	---------------

Số cuối kỳ	2,179,047,616	1,466,270,766			3,645,318,382
------------	---------------	---------------	--	--	---------------

#### 11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	...	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	54,061,075,444			1,063,059,000		55,124,134,444
Tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
- Nhà nước cấp						
- Tăng khác (ghi cụ thể)						
Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Hoàn trả cho Nhà nước						
- Giảm khác (ghi cụ thể)						



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số cuối kỳ	<u>54,061,075,444</u>	<u>1,063,059,000</u>	<u>55,124,134,444</u>
------------	-----------------------	----------------------	-----------------------

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

#### Giá trị hao mòn

Số đầu năm	10,812,088,168	802,083,361	11,614,171,529
Tăng trong năm	279,610,023	27,166,350	306,776,373
- Khấu hao trong năm	279,610,023	27,166,350	306,776,373
- Tăng khác (ghi cụ thể)			
Giảm trong năm			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác (ghi cụ thể)			

Số cuối kỳ	<u>11,091,698,191</u>	<u>829,249,711</u>	<u>11,920,947,902</u>
------------	-----------------------	--------------------	-----------------------

#### Giá trị còn lại

Số đầu năm	43,248,987,276	260,975,639	43,509,962,915
Số cuối kỳ	<u>42,969,377,253</u>	<u>233,809,289</u>	<u>43,203,186,542</u>

## 12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Quyền sử dụng đất	31,072,093,700				31,072,093,700
- XDCB dở dang	19,966,522,134	12,109,925,424	22,890,091,637		9,186,355,921
	<u>51,038,615,834</u>	<u>12,109,925,424</u>	<u>22,890,091,637</u>		<u>40,258,449,621</u>

## 13 Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Posco VST	8,391,202,922	4,306,093,593
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	428,726,228	428,726,228
- Cty CP Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	586,488,600	709,006,320
- Cty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	15,820,664,126	12,254,693,421
- Công ty TNHH MTV Thiết Bị Nhà bếp Sơn Hà	741,521,335	1,897,382,607
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	52,038,066,038	19,704,511,412
- Các đối tượng khác	6,479,813,444	5,494,408,083
<b>Cộng</b>	<u>84,486,482,693</u>	<u>44,794,821,664</u>

#### Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	428,726,228	428,726,228

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cty CP Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	586,488,600	709,006,320
Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	15,820,664,126	12,254,693,421
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	52,038,066,038	19,704,511,412
Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà (SHK)	741,521,335	1,897,382,607
<b>Cộng</b>	<b>69,615,466,327</b>	<b>34,994,319,988</b>

#### 14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	401,356,240	1,356,755,929	1,349,403,277	408,708,892
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		29,514,653	29,514,653	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	472,619,633	850,164,585	473,419,633	849,364,585
Thuế thu nhập cá nhân	22,386,099	3,527,902	16,909,066	9,004,935
<b>Cộng</b>	<b>896,361,972</b>	<b>2,239,963,069</b>	<b>1,869,246,629</b>	<b>1,267,078,412</b>

#### 15 Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí trích trước hàng khuyến mãi	12,988,693,263	14,153,734,682
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	1,359,235,430	4,429,338,719
- Chi phí lãi vay phải trả	277,920,026	352,426,090
<b>Cộng</b>	<b>14,625,848,719</b>	<b>18,935,499,491</b>

#### 16 Các khoản phải trả khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	224,286,713	120,250,848
Tài sản thừa chờ giải quyết	25,312,603	25,312,603
Phải trả, phải nộp khác	526,220,419	386,894,548
<b>Cộng</b>	<b>775,819,735</b>	<b>532,457,999</b>

#### Dài hạn

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	265,419,000	300,919,000
<b>Cộng</b>	<b>265,419,000</b>	<b>300,919,000</b>

#### Tổng Cộng

**1,041,238,735**      **833,376,999**

#### 17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2,281,906,844					2,281,906,844
Quỹ phúc lợi						
<b>Cộng</b>	<b>2,281,906,844</b>					<b>2,281,906,844</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**18. Vay và nợ thuế tài chính**

Nội dung	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	467,125,677,866	467,125,677,866	316,138,379,158	300,901,868,155	451,889,166,863	451,889,166,863
Vay ngắn hạn	463,698,100,770	463,698,100,770	312,525,320,603	299,667,201,600	450,839,981,767	450,839,981,767
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn	158,407,500,274	158,407,500,274	85,439,925,599	67,172,136,263	140,139,710,938	140,139,710,938
- Ngân hàng và đầu tư phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn	94,328,363,686	94,328,363,686	40,237,512,727	40,584,674,724	94,675,525,683	94,675,525,683
- Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam- Chi nh	97,482,775,871	97,482,775,871	-	-	97,482,775,871	97,482,775,871
- Vay NH Công thương VN-CN Quang Nam (*)	117,269,499,405	117,269,499,405	96,512,624,166	97,785,094,036	118,541,969,275	118,541,969,275
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	2,587,280,000	2,587,280,000	3,449,720,000	1,071,328,000	208,888,000	208,888,000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD 1	-	-	-	208,888,000	208,888,000	208,888,000
+ Vay NH Công thương VN-CN Quảng Nam (*)	2,587,280,000	2,587,280,000	3,449,720,000	862,440,000	-	-
Nợ thuế tài chính	840,297,096	840,297,096	163,338,555	163,338,555	840,297,096	840,297,096
+ Nợ dài hạn đến hạn trả (th dưới 1 năm) Hà Nội	560,828,628	560,828,628	69,867,117	69,867,117	560,828,628	560,828,628
+ Nợ dài hạn đến hạn trả (th dưới 1 năm) TP HCM	279,468,468	279,468,468	93,471,438	93,471,438	279,468,468	279,468,468
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	1,329,682,189	1,329,682,189	-	3,613,058,555	4,942,740,744	4,942,740,744
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	-	-	-	3,449,720,000	3,449,720,000	3,449,720,000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nh	-	-	-	-	-	-
+ Vay NH Công thương VN-CN Quảng Nam (*)	-	-	-	3,449,720,000	3,449,720,000	3,449,720,000
Nợ thuế tài chính (7)	1,329,682,189	1,329,682,189	-	163,338,555	1,493,020,744	1,493,020,744
Công ty Thuế Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	677,746,760	677,746,760	-	93,471,438	771,218,198	771,218,198
Công ty Thuế Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP HCM	651,935,429	651,935,429	-	69,867,117	721,802,546	721,802,546
<b>468,455,360,055</b>	<b>468,455,360,055</b>	<b>316,138,379,158</b>	<b>304,514,926,710</b>	<b>342,178,745,493</b>	<b>456,831,907,607</b>	<b>456,831,907,607</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 19 Vốn chủ sở hữu

##### 19.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	318,539,760,000	12,175,510,997	(250,000,000)	52,496,124,286	382,961,395,283
Lãi trong năm trước				17,856,302,525	17,856,302,525
Tăng vốn trong kỳ				(17,966,157,086)	(527,881,012)
Trích các quỹ trong năm		1,511,286,074		(1,511,286,074)	
Chia cổ tức bằng Cổ Phiếu	15,926,990,000			(15,926,990,000)	
+ Trích lập quỹ khen thưởng				(251,881,012)	(251,881,012)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và BKS				(276,000,000)	(276,000,000)
Số dư cuối năm trước	334,466,750,000	13,686,797,071	(250,000,000)	52,386,269,725	400,289,816,796
Số đầu năm Nay	334,466,750,000	13,686,797,071	(250,000,000)	52,386,269,725	400,289,816,796
Tăng vốn trong kỳ				5,140,286,702	5,140,286,702
<b>Phân phối lợi nhuận trong kỳ</b>					
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển					
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					
+ Chia cổ tức					
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và BKS					
+ Quỹ dự phòng tài chính					
Chia cổ tức phát hành Cổ Phiếu					
Số dư cuối kỳ	334,466,750,000	13,686,797,071	(250,000,000)	57,526,556,427	405,430,103,498

##### 19.b Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33,446,675	33,446,675
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	33,446,675	33,446,675
- Cổ phiếu phổ thông	33,446,675	33,446,675
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33,446,675	33,446,675
- Cổ phiếu phổ thông	33,446,675	33,446,675
- Cổ phiếu ưu đãi		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mệnh giá cổ phiếu (VND/ Cổ Phiếu) 10,000 10,000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng doanh thu	286,928,060,183	205,603,488,772
- Doanh thu bán hàng hóa	136,121,009,820	81,495,154,991
- Doanh thu bán thành phẩm	150,736,883,090	124,031,651,599
Các khoản giảm trừ doanh thu:	14,136,132,304	11,220,087,748
- Chiết khấu thương mại	10,856,181,771	8,997,194,701
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại	3,279,950,533	2,222,893,047
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>272,791,927,879</u></b>	<b><u>194,383,401,024</u></b>

**2 Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	112,493,961,476	97,412,209,671
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp <sup>(1)</sup>	124,945,340,090	68,498,720,196
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
<b>Cộng</b>	<b><u>237,439,301,566</u></b>	<b><u>165,910,929,867</u></b>

**3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	20,394,910	69,731,134
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1,639,414,800	1,586,094,420
...		
<b>Cộng</b>	<b><u>1,659,883,636</u></b>	<b><u>1,655,957,258</u></b>

**4 Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	6,613,222,443	5,985,760,216
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	75,421,527	74,286,812
Chi phí tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>6,688,643,970</u></b>	<b><u>6,060,047,028</u></b>

**5 Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên	9,985,190,440	7,249,539,858
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	973,900,927	525,016,003
Chi phí khấu hao TSCĐ	2,399,365,758	2,588,201,076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,901,126,456	1,324,642,193
Chi phí bằng tiền khác	1,937,655,628	1,924,347,526

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	18,197,239,209	13,611,746,656
<b>6</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2,031,893,601	1,193,971,208
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39,777,352	80,490,325
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,954,662,786	1,824,710,049
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,901,410,268	772,413,938
Chi phí bằng tiền khác	493,908,207	1,684,916,396
Cộng	6,421,652,214	5,556,501,916
<b>7</b>	<b>Thu nhập khác</b>	
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Thu nhập cho thuê tài sản		
Thu nhập khác	108,351,816	105,650,186
Cộng	108,351,816	105,650,186
<b>8</b>	<b>Chi phí khác</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê		
Chi phí khác	127,872	13,660,621
Cộng	127,872	13,660,621

#### 9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## VII GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà	Công ty con của Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai
- Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai	Công ty con
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là em ruột Chủ tịch HĐQT
- Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
- Công ty Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	Công ty con 100% vốn của SHI
- Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI

#### Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Tạm ứng		
<b>Ban điều hành</b>		
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
Ban điều hành		
Cộng nợ phải thu		
Thu nhập Ban Tổng Giám Đốc		
	Kỳ này	Kỳ trước
1.TGD: Bà Ngô Thị Thanh Lan	124,554,000	125,881,000
2. PTGD: Ông Hoàng Tuấn Thanh	125,358,000	112,316,000
Cộng	<b>249,912,000</b>	<b>238,197,000</b>

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh</b>		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	133,356,309,277	61,526,037,338
- Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	214,442,800	646,179,150
<b>Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam</b>		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	87,761,984,240	54,283,623,104
- Chiết khấu thanh toán	1,639,414,800	1,586,094,420
<b>Công ty Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà</b>		
- Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	1,391,446,945	2,694,326,565
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà</b>		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	2,262,801,934	3,294,152,600

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2022

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Dũng



Ngô Thị Thanh Lan